

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 4 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Thành Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Nam và bà Nguyễn Thị Quyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị D**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn D T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.**

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam X** (đội 34, phân trại số 1); trụ sở: **Xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.**

Phiên tòa vắng mặt: Chị **D**, anh **Đ** (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị **Vũ Thị D**; lời khai của bị đơn anh **Nguyễn Văn Đ**, cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ** lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2011 tại **UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.** Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị **Vũ Thị D** trình bày: Sau khi kết hôn, chị và anh **Đ** về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh **Đ** ở **thôn D T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.** Chị **D** mở nghề cắt tóc, gội đầu, còn anh **Đ** làm nghề thợ mộc ở quê. Đến năm 2015, một mình

anh Đ vào trong thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm nghề thợ mộc. Anh Đ đi làm mỗi năm cũng chỉ về thăm nhà 01, đến 02 lần. Chị D và anh Đ chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh Đ phản bội chị quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng nhưng nghĩ vì thương các con còn nhỏ và do bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải, chị đã tha thứ cho anh Đ. Nhưng anh Đ không chịu thay đổi, đến năm 2019 anh Đ tiếp tục phản bội chị quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị và anh Đ mâu thuẫn căng thẳng, anh Đ còn chặn điện thoại, Z, Face book của chị và thách thức chị làm đơn ly hôn. Cũng kể từ năm 2019, khi vợ chồng mâu thuẫn, anh Đ đi làm không gửi tiền về cho chị nuôi con chung. Chị và anh Đ đã chính thức sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Ngày 20/8/2020, anh Đ bị bắt và bị Tòa án xử phạt 19 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam X ở xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn anh Đ.

Anh Nguyễn Văn Đ cho rằng: Anh và chị D chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2019, đến năm 2020 thì anh phải chấp hành án tại Trại giam X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Nay chị D có đơn khởi kiện ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh Đ cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 và cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2016, đều do chị D đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu vợ chồng ly hôn, chị D và anh Đ cùng thống nhất để chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho cả hai cháu T và A. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Hai cháu Nguyễn Thị Bảo T và Nguyễn Hoàng A đều đề nghị xin được tiếp tục ở với mẹ là chị Vũ Thị D.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị D và anh Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chị D và anh Đ đều có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ**. Về con chung, đề nghị giao cả hai cháu **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 và **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2016 cho chị **D** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **D**. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Chị **D** và anh **Đ** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị **Vũ Thị D** cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị **Vũ Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ** đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Vũ Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ** là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị **D** là do anh **Đ** nhiều lần phải bội chi, quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh **Đ** không trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên chị **D** và anh **Đ** đều xác nhận vợ chồng mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị **D** có đơn khởi kiện ly hôn, anh **Đ** nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị **D** và anh **Đ** thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cả 02 cháu **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 và **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2016, đều do chị **D** đang nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống của các cháu được đảm bảo. Nay chị **D** và anh **Đ** cùng thỏa thuận, thống nhất để chị **D** được tiếp tục nuôi cả 02 cháu **T** và **A**. Xét thấy thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu **T** và **A**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị **D** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị **D** và anh **Đ** thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị D** và anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Vũ Thị D** được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2012 và cháu **Nguyễn Hoàng A**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2016, cho đến khi các cháu **T** và **A** đủ 18 tuổi. Anh **Nguyễn Văn Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **D**.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí sơ thẩm: Chị **Vũ Thị D**, anh **Nguyễn Văn Đ** mỗi người phải nộp 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **Vũ Thị D** đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0001196 ngày 10 tháng 10 năm 2023, chị **D** được nhận lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thành Nam**